

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**
- Mã chứng khoán: **ILB**
  - Địa chỉ: **Số 10 Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai**
  - Điện thoại liên hệ: 0251 6255 999 Fax: 0251 6501 826
  - Email: [tuannq@icdlongbinh.com.vn](mailto:tuannq@icdlongbinh.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- Công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty CP ICD Tân Cảng – Long Bình và giải trình biến động lợi nhuận sau thuế.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/03/2022 tại đường dẫn <http://icdlongbinh.com/bao-cao-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
**Phan Anh Tuấn**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc  | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập   | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021   | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021    | 12 - 41 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000567, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi mã số doanh nghiệp, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, thay đổi địa chỉ trụ sở chính trong đó thay đổi lần thứ 7 là ngày 05 tháng 05 năm 2020 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : 0251 6255 999
- Website : icdlongbinh.com
- Mã số thuế : 3 6 0 1 0 3 3 2 1 3

**Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên          | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|--------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Triệu Phú | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2020   |
| Ông Phan Anh Tuấn  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2020   |
| Bà Hoàng Thị Hiền  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018   |
| Ông Phạm Văn Phòng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021   |
| Ông Phạm Duy Tân   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021 |
| Ông Cao Ngọc Đức   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2021 |

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|----------------------|------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Khiêm | Trưởng ban | Ngày 12 tháng 6 năm 2020 |
| Ông Trần Nghĩa Sĩ    | Thành viên | Ngày 20 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Thái Hoàng Lam   | Thành viên | Ngày 20 tháng 4 năm 2021 |

**Ban Giám đốc**

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm            |
|-----------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Phan Anh Tuấn     | Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2020   |
| Bà Đoàn Thị Hằng      | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2018   |
| Ông Nguyễn Thành Nhân | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2021   |
| Ông Đoàn Hồng Phương  | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2021 |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Anh Tuấn – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2020).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty và công ty con.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phạm vi Ban Giám đốc,



Phan Anh Tuấn

Ngày 02 tháng 03 năm 2022

|                     |   |                    |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office         | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam<br>Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970                         | kttv@a-c.com.vn    |
| Branch in Hà Nội    | : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam<br>Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869                                 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam<br>Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ   | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam<br>Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996                      | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0124/22/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Công ty và Công ty con”), được lập ngày 02 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

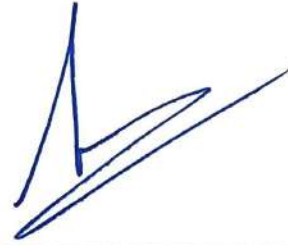
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

**Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên**

*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1*

Hà Nội, ngày 2 tháng 3 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>317.065.093.696</b> | <b>261.402.477.395</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>101.381.643.136</b> | <b>147.227.635.195</b> |
| 1. Tiền   | 111        |             | 53.881.643.136         | 81.727.635.195         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 47.500.000.000         | 65.500.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>53.038.000.000</b>  | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 53.038.000.000         | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>161.608.574.118</b> | <b>113.054.467.595</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 99.292.026.225         | 99.734.885.156         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 59.274.055.903         | -                      |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 4.480.423.483          | 14.423.988.179         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (1.437.931.493)        | (1.104.405.740)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.036.876.442</b>   | <b>1.120.374.605</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 1.036.876.442          | 1.120.374.605          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>1.101.213.634.598</b> | <b>1.178.086.014.180</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>2.225.400.000</b>     | <b>630.000.000</b>       |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | -                        |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 2.225.400.000            | 630.000.000              |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>714.989.791.604</b>   | <b>774.163.512.636</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 714.132.033.120          | 773.742.495.137          |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 1.169.276.125.343        | 1.167.043.705.402        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (455.144.092.223)        | (393.301.210.265)        |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                        | -                        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                        | -                        |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 857.758.484              | 421.017.499              |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 2.872.771.400            | 1.729.271.400            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (2.015.012.916)          | (1.308.253.901)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> | <b>V.10</b> | <b>4.735.477.643</b>     | <b>20.101.850.936</b>    |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 4.735.477.643            | 20.101.850.936           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>7.238.210.000</b>     | <b>7.238.210.000</b>     |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                        | -                        |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 7.238.210.000            | 7.238.210.000            |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                        | -                        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>372.024.755.351</b>   | <b>375.952.440.608</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 371.781.971.842          | 375.702.990.276          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.11        | 242.783.509              | 249.450.332              |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.418.278.728.294</b> | <b>1.439.488.491.575</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>946.066.620.239</b> | <b>996.680.803.176</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>292.989.694.647</b> | <b>307.558.633.897</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12        | 133.208.187.341        | 138.183.053.389        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.13        | 11.943.528             | 6.696.231              |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.14        | 8.522.347.690          | 9.770.294.639          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 18.726.765.463         | 7.476.203.233          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.15        | 3.972.092.091          | 7.952.619.129          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.16a       | 3.596.545.728          | 3.596.545.728          |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17a       | 52.242.527.756         | 64.918.304.963         |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.18a       | 70.211.612.230         | 73.157.430.368         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.19        | 2.497.672.820          | 2.497.486.217          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>653.076.925.592</b> | <b>689.122.169.279</b> |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.16b       | 129.163.321.037        | 132.759.955.529        |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.17b       | 286.021.429.660        | 258.206.653.810        |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.18b       | 237.892.174.895        | 298.155.559.940        |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             |                          |                          |
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>472.212.108.055</b>   | <b>442.807.688.399</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.20</b> | <b>472.212.108.055</b>   | <b>442.807.688.399</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 245.022.450.000          | 245.022.450.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 245.022.450.000          | 245.022.450.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 109.466.339.211          | 93.986.186.492           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | -                        | -                        |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 82.076.680.005           | 69.715.198.510           |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 15.581.359.648           | 69.715.198.510           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 66.495.320.357           | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 35.646.638.839           | 34.083.853.397           |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1.418.278.728.294</b> | <b>1.439.488.491.575</b> |

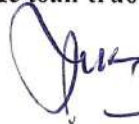
Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Giám đốc



Phan Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|  |       |             |                 |                 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 529.893.731.578 | 455.588.881.893 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 529.893.731.578 | 455.588.881.893 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 362.441.173.973 | 297.684.533.498 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 167.452.557.605 | 157.904.348.395 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 2.557.375.674   | 3.893.341.022   |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 26.541.845.225  | 34.297.234.835  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 25.383.247.723  | 32.905.321.727  |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -               | -               |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 3.833.224.798   | 2.681.769.294   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 42.871.842.160  | 39.027.299.414  |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 96.763.021.096  | 85.791.385.874  |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 88.364.757      | 398.640.795     |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 1.203.306.530   | 352.418.445     |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | (1.114.941.773) | 46.222.350      |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 95.648.079.323  | 85.837.608.224  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 18.724.495.292  | 16.562.502.300  |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | 6.666.823       | 6.666.823       |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 76.916.917.208  | 69.268.439.101  |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 71.721.383.613  | 63.712.957.569  |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | 5.195.533.595   | 5.555.481.532   |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9        | 2.443           | 2.190           |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9        | 2.443           | 2.190           |

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2022



Phan Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết |       | Năm nay                  | Năm trước               |
|--|-----------|-------|--------------------------|-------------------------|
|  | số        | minh  |                          |                         |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |           |       |                          |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        |       | 95.648.079.323           | 85.837.608.224          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |           |       |                          |                         |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | VI.10 | 62.549.640.973           | 60.923.615.399          |
| - Các khoản dự phòng   | 03        |       | 333.525.753              | 428.234.780             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        | VI.4  | 85.048.602               | 179.339.224             |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05        |       | (1.692.240.670)          | (2.899.683.289)         |
| - Chi phí lãi vay  | 06        | VI.4  | 25.383.247.723           | 32.905.321.727          |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07        |       | -                        | -                       |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |       | 182.307.301.704          | 177.374.436.065         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        |       | 8.989.807.417            | 106.332.994.160         |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        |       | -                        | -                       |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11        |       | 10.969.045.661           | (29.354.530.146)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        |       | 23.199.260.883           | 4.094.594.765           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13        |       | -                        | -                       |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14        |       | (25.455.521.948)         | (32.509.376.538)        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | V.14  | (19.416.038.536)         | (17.397.980.820)        |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16        | V.19  | 19.000.000               | 10.000.000              |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | V.19  | (7.557.943.449)          | (15.673.378.498)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | 20        |       | <b>173.054.911.732</b>   | <b>192.876.758.988</b>  |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |           |       |                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        |       | (66.478.346.837)         | (48.591.311.051)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        |       | -                        | -                       |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        | V.2   | (53.038.000.000)         | -                       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |       | -                        | -                       |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25        |       | -                        | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26        |       | -                        | -                       |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        |       | 1.480.822.026            | 2.779.358.631           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | 30        |       | <b>(118.035.524.811)</b> | <b>(45.811.952.420)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

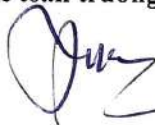
| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|--------------------------|-------------------------|
|  |           |             |                          |                         |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                          |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                        | -                       |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                        | -                       |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.18        | 12.394.902.266           | 11.634.086.598          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.18        | (75.604.105.449)         | (60.688.279.318)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                        | -                       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | (37.627.518.280)         | (39.285.346.870)        |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <i>40</i> |             | <i>(100.836.721.463)</i> | <i>(88.339.539.590)</i> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(45.817.334.542)</b>  | <b>58.725.266.978</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>147.227.635.195</b>   | <b>88.769.441.384</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (28.657.517)             | (267.073.167)           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>101.381.643.136</b>   | <b>147.227.635.195</b>  |

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Phan Anh Tuấn

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty và Công ty con là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và Công ty con là cho thuê kho, bãi, phương tiện vận tải và các dịch vụ đi kèm (bóc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và Công ty con không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

##### 5b. Công ty con được hợp nhất

Công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có trụ sở chính tại Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cho thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải hàng hóa; bóc xếp hàng hóa, đóng gói hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51% (số đầu năm là 51%).

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Luru, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của nhóm Công ty là lĩnh vực cho thuê kho, bãi,... không chịu tác động đáng kể của dịch Covid-19. Trong năm, nhóm Công ty đã áp dụng phương án sản xuất “3 tại chỗ” từ ngày 12/7/2021 đến ngày 17/10/2021, nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh, do đó phát sinh thêm các chi phí vận hành. Nhìn chung, năm 2021 nhóm Công ty vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt, hoàn thành vượt so với kế hoạch được giao. Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 326 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 336 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và Công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và Công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và Công ty con thực hiện thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và Công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty và Công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty và Công ty con thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và Công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và Công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và Công ty con chủ yếu là chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí thuê cơ sở hạ tầng*

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa thể hiện chi phí bù lún, san lấp ban đầu cho phần đất Công ty và Công ty con đang sử dụng. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại tính từ thời điểm hoàn thành công tác bù lún, san lấp đến thời điểm hết thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty và Công ty con đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 – 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 3 – 7         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 – 10        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 3 – 5         |
| Tài sản cố định khác            | 3 – 5         |

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và Công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và Công ty con là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và Công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và Công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty và Công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và Công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và Công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và Công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty và Công ty con.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và Công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty và Công ty con đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt   | 447.111.026                   | 1.240.079.356                 |
| Tiền gửi ngân hàng   | 53.434.532.110                | 80.487.555.839                |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 47.500.000.000                | 65.500.000.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>101.381.643.136</u></b> | <b><u>147.227.635.195</u></b> |

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>          |                 | <u>Số đầu năm</u>           |                 |
|---|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
|   | <u>Giá gốc</u>              | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u>              | <u>Dự phòng</u> |
| Ngân hàng TMCP Quân đội <sup>(i)</sup>              | 5.238.210.000               | -               | 5.238.210.000               | -               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long <sup>(ii)</sup> | 2.000.000.000               | -               | 2.000.000.000               | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>7.238.210.000</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>7.238.210.000</u></b> | <b><u>-</u></b> |

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty sở hữu 800.913 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (số đầu năm là 593.269 cổ phần trong năm tăng thêm 207.644 cổ phần do được chia cổ tức) với giá trị ghi sổ là 5.238.210.000 VND. Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, sở hữu 200.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long, không thay đổi so với số đầu năm.

**Giá trị hợp lý**

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội có giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23.146.385.700 VND (số đầu năm là 13.520.320.000 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>                          | <b>465.393.627</b>    | <b>9.689.966.128</b>  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn         | -                     | 9.605.616.661         |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                               | 5.601.767             | 84.349.467            |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                               | 456.315.750           | -                     |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                         | 3.476.110             | -                     |
| <b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>                        | <b>98.826.632.598</b> | <b>90.044.919.028</b> |
| Công ty TNHH Tiến Nga   | 18.134.131.697        | 13.518.573.586        |
| Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam                  | 6.553.258.000         | 8.723.124.666         |
| Công ty TNHH Nestle Việt Nam                                      | 6.058.472.783         | 2.950.387.105         |
| Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu                                      | 12.531.665.817        | 13.304.006.915        |
| Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam                  | 4.837.844.022         | 5.910.385.912         |
| Công ty Global Home, K.S.   | -                     | 3.412.094.449         |
| Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận - Vận tải và Thương mại Công Thành | -                     | 498.685.470           |
| Các khách hàng khác   | 50.711.260.279        | 41.727.660.925        |
| <b>Cộng</b>   | <b>99.292.026.225</b> | <b>99.734.885.156</b> |

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng T.cons                                      | 56.957.242.153        | -                 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư Phát triển Đô thị Miền Nam | 2.316.813.750         | -                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>59.274.055.903</b> | <b>-</b>          |

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>   |                 | <u>Số đầu năm</u>     |                 |
|---|----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
|   | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u>        | <u>Dự phòng</u> |
| <b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>      | <b>4.480.423.483</b> | <b>-</b>        | <b>14.423.988.179</b> | <b>-</b>        |
| Tạm ứng   | 1.498.999.095        | -               | 3.117.362.724         | -               |
| Ký cược, ký quỹ   | 133.100.000          | -               | 333.100.000           | -               |
| Các khoản chi hộ  | 844.443.876          | -               | 1.098.379.434         | -               |
| Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (thu, chi hộ và cược cont) | 393.186.309          | -               | 8.094.802.932         | -               |
| Phải thu về kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm    | 198.547.755          | -               | 352.690.753           | -               |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                           | 397.528.233          | -               | 186.109.589           | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                        | 1.014.618.215        | -               | 1.241.542.747         | -               |
| <b>Cộng</b>   | <b>4.480.423.483</b> | <b>-</b>        | <b>14.423.988.179</b> | <b>-</b>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5b. Phải thu dài hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>         |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng<br>(Bên liên quan) | 1.265.400.000               | -                         |
| Các đối tượng khác                                     | 960.000.000                 | 630.000.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>2.225.400.000</u></b> | <b><u>630.000.000</u></b> |

**6. Nợ xấu**

Nợ xấu là các khoản nợ phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị không phải bên liên quan. Chi tiết như sau:

|                                   | <u>Số cuối năm</u>           |  |                 | <u>Số đầu năm</u>            |   |                 |
|-----------------------------------|------------------------------|--|-----------------|------------------------------|---|-----------------|
|                                   | <u>Thời gian<br/>quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u>                             | <u>Dự phòng</u> | <u>Thời gian<br/>quá hạn</u> | <u>Giá gốc</u>                              | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty TNHH Con đường Vận chuyển | Trên 3 năm                   | 607.993.490                                | (607.993.490)   | Từ 2 năm -<br>3 năm          | 500.131.103                                 | (350.091.772)   |
| Công ty TNHH Con đường Vận chuyển | -                            | -  | -               | Từ 1 năm<br>- 2 năm          | 107.862.387                                 | (107.862.387)   |
| Công ty TNHH JLL Express Việt Nam | Từ 2 - 3 năm                 | 917.432.110                                | (642.202.477)   | Từ 1 năm<br>- 2 năm          | 917.432.110                                 | (458.716.055)   |
| Công ty TNHH Thái Bình Long       | Trên 3 năm                   | 133.405.526                                | (133.405.526)   | Trên 3 năm                   | 133.405.526                                 | (133.405.526)   |
| Các khách hàng khác               | Trên 3 năm                   | 54.330.000                                 | (54.330.000)    | Trên 3 năm                   | 54.330.000                                  | (54.330.000)    |
| <b>Cộng</b>                       |                              | <b><u>1.713.161.126(1.437.931.493)</u></b> |                 |                              | <b><u>1.713.161.126 (1.104.405.740)</u></b> |                 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm                 | 1.104.405.740               | 676.170.960                 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 333.525.753                 | 428.234.780                 |
| Hoàn nhập dự phòng         | -                           | -                           |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b><u>1.437.931.493</u></b> | <b><u>1.104.405.740</u></b> |

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                  | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ          | 207.204.773                 | 199.120.075                 |
| Chi phí phần mềm                 | 66.504.000                  | 35.000.000                  |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 728.796.000                 | 791.435.290                 |
| Chi phí bảo hiểm                 | 34.371.669                  | 94.819.240                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>1.036.876.442</u></b> | <b><u>1.120.374.605</u></b> |

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí thuê cơ sở hạ tầng <sup>(i)</sup> | 302.760.416.199               | 321.474.480.038               |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định          | 67.732.571.620                | 53.304.095.610                |
| Chi phí phần mềm                          | 134.057.679                   | 185.494.180                   |
| Chi phí hoa hồng                          | 1.132.577.094                 | 738.920.448                   |
| Chi phí trả trước dài hạn khác            | 22.349.250                    | -                             |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>371.781.971.842</u></b> | <b><u>375.702.990.276</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Gồm các Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn tại khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình tọa lạc tại khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, chi tiết như sau:

| <u>Hợp đồng</u>                               | <u>Thời hạn</u>                         |
|---|---|
| HĐ số 02/HĐ-ICDLB ngày 24 tháng 9 năm 2009    | 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng           |
| HĐ số 243/HĐ-TC-KHKD ngày 10 tháng 8 năm 2010 | 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng           |
| HĐ số 181/TCT-KHKD năm 2014                   | 44 năm kể từ ngày ký hợp đồng           |
| HĐ số 256/TCT-KHKD ngày 01 tháng 6 năm 2015   | 43 năm kể từ ngày ký hợp đồng           |
| HĐ số 359/TCT-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2017  | Từ thời điểm ký hợp đồng đến 01/01/2063 |
| HĐ số 360/TCT-KHKD ngày 01 tháng 10 năm 2017  | Từ thời điểm ký hợp đồng đến 01/01/2063 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| 8. Tài sản cố định hữu hình           | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng              |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|-------------------|
| Nguyên giá                            | 1.072.537.260.676      | 3.887.535.573       | 82.598.188.339                  | 3.767.162.189             | 4.253.558.625        | 1.167.043.705.402 |
| Số đầu năm                            | -                      | 740.612.455         | -                               | 64.163.636                | 736.566.194          | 1.541.342.285     |
| Mua trong năm                         | 691.077.656            | -                   | -                               | -                         | -                    | 691.077.656       |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành               | 1.073.228.338.332      | 4.628.148.028       | 82.598.188.339                  | 3.831.325.825             | 4.990.124.819        | 1.169.276.125.343 |
| Số cuối năm                           | 2.488.160.232          | 1.128.106.400       | 40.821.365.164                  | 2.860.738.553             | 2.681.521.015        | 49.979.891.364    |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| Chờ thanh lý                          |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| Giá trị hao mòn                       | 321.344.241.340        | 1.946.635.093       | 64.243.704.514                  | 2.961.452.290             | 2.805.177.028        | 393.301.210.265   |
| Số đầu năm                            | 54.741.500.300         | 933.765.609         | 5.183.330.928                   | 307.488.177               | 676.796.944          | 61.842.881.958    |
| Khấu hao trong năm                    | 376.085.741.640        | 2.880.400.702       | 69.427.035.442                  | 3.268.940.467             | 3.481.973.972        | 455.144.092.223   |
| Số cuối năm                           | 751.193.019.336        | 1.940.900.480       | 18.354.483.825                  | 805.709.899               | 1.448.381.597        | 773.742.495.137   |
| Giá trị còn lại                       | 697.142.596.692        | 1.747.747.326       | 13.171.152.897                  | 562.385.358               | 1.508.150.847        | 714.132.033.120   |
| Số đầu năm                            |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| Số cuối năm                           |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                     |                                 |                           |                      |                   |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                   | -                               | -                         | -                    | -                 |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                   | -                               | -                         | -                    | -                 |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 608.144.293.644 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

|                    | Nguyên giá           | Hao mòn lũy kế         | Giá trị còn lại    |
|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| Số đầu năm         | 1.729.271.400        | (1.308.253.901)        | 421.017.499        |
| Mua sắm trong năm  | 1.143.500.000        |                        | 1.143.500.000      |
| Khấu hao trong năm |                      | (706.759.015)          | (706.759.015)      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>2.872.771.400</b> | <b>(2.015.012.916)</b> | <b>857.758.484</b> |

Trong đó:

|                                       |               |
|---------------------------------------|---------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.408.784.400 |
|---------------------------------------|---------------|

|              |   |
|--------------|---|
| Chờ thanh lý | - |
|--------------|---|

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Số đầu năm            | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển chi phí trả trước/ chi phí | Số cuối năm          |
|---|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định                       | 1.000.850.000         | 4.513.199.384               | (2.684.842.285)               | (146.100.000)                         | 2.683.107.099        |
| Xây dựng cơ bản dở dang                       | 19.101.000.936        | 2.691.091.550               | (691.077.656)                 | (19.048.644.286)                      | 2.052.370.544        |
| Hạng mục san gạt mặt bằng - khu đất 76 ha     | 19.048.644.286        | -                           | -                             | (19.048.644.286)                      | -                    |
| Công trình nhà nghỉ công nhân                 | -                     | 616.251.246                 | (616.251.246)                 | -                                     | -                    |
| Nhà để xe máy kho 01 - khu Dịch vụ Long Bình  | 52.356.650            | 22.469.760                  | (74.826.410)                  | -                                     | -                    |
| Dự án đầu tư kho 24&25- khu Dịch vụ Long Bình | -                     | 2.052.370.544               | -                             | -                                     | 2.052.370.544        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>20.101.850.936</b> | <b>7.204.290.934</b>        | <b>(3.375.919.941)</b>        | <b>(19.194.744.286)</b>               | <b>4.735.477.643</b> |

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|                                 | Năm nay            | Năm trước          |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm                      | 249.450.332        | 256.117.155        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (6.666.823)        | (6.666.823)        |
| Phát sinh trong năm             | -                  | -                  |
| Hoàn nhập trong năm             | (6.666.823)        | (6.666.823)        |
| <b>Số cuối năm</b>              | <b>242.783.509</b> | <b>249.450.332</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                         | <i>102.056.395.963</i>        | <i>102.810.482.857</i>        |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 87.685.472.833                | 91.559.099.480                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                 | 920.848.296                   | 701.169.762                   |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng    | 22.300.000                    | 99.800.000                    |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép              | 5.952.000                     | 43.515.000                    |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC     | 124.718.000                   | 34.200.000                    |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu              | 57.848.500                    | 102.005.000                   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                | 329.979.743                   | 297.730.615                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                       | 10.060.908.000                | 9.972.963.000                 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                       | 2.800.733.760                 | -                             |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng                  | 47.634.831                    | -                             |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                     | <i>31.151.791.378</i>         | <i>35.372.570.532</i>         |
| Công ty TNHH An Trung Phát                                | 6.497.784.245                 | 3.981.220.286                 |
| Công ty Cổ phần Hai hai Mười hai                          | 2.309.386.651                 | 2.019.097.111                 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng T.cons                           | -                             | 9.682.317.216                 |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 22.344.620.482                | 19.689.935.919                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>133.208.187.341</u></b> | <b><u>138.183.053.389</u></b> |

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>       |
|---|--------------------------|-------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i>                        | <i>7.186.666</i>         | <i>-</i>                |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 7.186.666                | -                       |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>                  | <i>4.756.862</i>         | <i>6.696.231</i>        |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>11.943.528</u></b> | <b><u>6.696.231</u></b> |

**14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

|  | <u>Số đầu năm</u>           | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u>     | <u>Số cuối năm</u>          |
|--|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                               | 3.163.766.794               | 31.658.797.745               | (32.266.696.287)               | 2.555.868.252               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                               | 6.461.100.206               | 18.724.495.292               | (19.416.038.536)               | 5.769.556.962               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh | -                           | 2.609.554.957                | (2.609.554.957)                | -                           |
| Thuế thu nhập cá nhân                                    | 145.427.639                 | 1.881.505.853                | (1.830.011.016)                | 196.922.476                 |
| Thuế môn bài   | -                           | 6.000.000                    | (6.000.000)                    | -                           |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>9.770.294.639</u></b> | <b><u>54.880.353.847</u></b> | <b><u>(56.128.300.796)</u></b> | <b><u>8.522.347.690</u></b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty và Công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|  |     |
|--|-----|
| Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài | 0%  |
| Cung cấp nước sạch                           | 5%  |
| Các dịch vụ khác                             | 10% |

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và Công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Công ty và Công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Các loại thuế khác

Công ty và Công ty con kê khai và nộp theo quy định.

## 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>   | <b>429.570.986</b>   | <b>30.707.091</b>    |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Chi phí sử dụng dịch vụ | 429.570.986          | 30.707.091           |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>3.542.521.105</b> | <b>7.921.912.038</b> |
| Chi phí lãi vay phải trả  | 374.024.297          | 446.298.522          |
| Chi phí bốc xếp   | 928.112.145          | 1.184.301.589        |
| Chi phí đầu tư xây dựng kho   | -                    | 6.150.400.000        |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác  | 2.240.384.663        | 140.911.927          |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.972.092.091</b> | <b>7.952.619.129</b> |

## 16. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng, thuê kho, thuê mái vòm, chi tiết như sau:

### 16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

|   | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>Doanh thu chưa thực hiện - Các bên liên quan</b>             | <b>1.145.371.901</b> | <b>1.145.371.901</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                             | 1.145.371.901        | 1.145.371.901        |
| <b>Doanh thu chưa thực hiện - Các tổ chức khác</b>              | <b>2.451.173.827</b> | <b>2.451.173.827</b> |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình                              | 451.592.431          | 451.592.431          |
| Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành | 1.999.581.396        | 1.999.581.396        |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.596.545.728</b> | <b>3.596.545.728</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Doanh thu chưa thực hiện - Các bên liên quan</b>             | <b>41.057.685.951</b>         | <b>42.203.057.854</b>         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                             | 41.057.685.951                | 42.203.057.854                |
| <b>Doanh thu chưa thực hiện - Các tổ chức khác</b>              | <b>88.105.635.086</b>         | <b>90.556.897.675</b>         |
| Công ty cổ phần Tiếp vận Long Bình                              | 15.982.667.994                | 16.434.260.435                |
| Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành | 72.122.967.092                | 74.122.637.240                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>129.163.321.037</u></b> | <b><u>132.759.955.529</u></b> |

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <b>Phải trả bên liên quan - Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn</b> | <b>18.652.504.578</b>        | <b>30.698.653.856</b>        |
| Phải trả tiền thuê đất, tiền ăn ca  | 18.652.504.578               | 30.698.653.856               |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>33.590.023.178</b>        | <b>34.219.651.107</b>        |
| Kinh phí công đoàn  | 479.619.557                  | 428.984.274                  |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp                                      | 322.838.393                  | 315.021.867                  |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn   | 12.934.820.922               | 18.018.697.932               |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh)   | 10.673.419.828               | 10.289.251.113               |
| Phải trả thù lao hợp tác kinh doanh   | 480.000.000                  | -                            |
| Chi phí tham quan du lịch   | 1.739.957.477                | -                            |
| Thuế GTGT đầu ra chưa kê khai   | 618.312.696                  | 706.731.410                  |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả  | 4.538.054.615                | 2.472.205.395                |
| Các khoản thu hộ  | 572.787.280                  | 721.303.786                  |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác  | 1.230.212.410                | 1.267.455.330                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>52.242.527.756</u></b> | <b><u>64.918.304.963</u></b> |

**17b. Phải trả dài hạn khác**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức khác</b>  | <b>286.021.429.660</b>        | <b>258.206.653.810</b>        |
| Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu - Đặt cọc đảm bảo thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh <sup>(i)</sup> | 113.825.746.125               | 113.825.746.125               |
| Công ty Cổ phần Tiến Nga - Đặt cọc đảm bảo thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh <sup>(ii)</sup>    | 23.200.000.000                | 23.200.000.000                |
| Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình - Phải trả tiền hợp tác kinh doanh <sup>(iii)</sup>              | 91.470.000.000                | 91.470.000.000                |
| Các tổ chức khác - Ký quỹ thuê kho  | 57.525.683.535                | 29.710.907.685                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>286.021.429.660</u></b> | <b><u>258.206.653.810</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, sân bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối trên diện tích 38,012 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình (giai đoạn 2), Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng giá trị xây dựng. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác từ 1/1/2018 đến 31/12/2062. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 113.825.746.125 VND để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Từ năm 2031, tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký năm 2017 giữa Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Tiến Nga (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng hệ thống kho, bãi, trung tâm phân phối trên diện tích 20,37 ha Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình (giai đoạn 2), Bên A góp bằng quyền khai thác cơ sở hạ tầng và Bên B góp bằng hệ thống nhà kho, công trình phụ trợ. Bên B chịu trách nhiệm đại diện quản lý hợp doanh và trả lợi nhuận cố định cho bên A, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động thực tế của hợp doanh. Thời gian hợp tác là 42 năm kể từ ngày 1/9/2017. Bên B có nghĩa vụ đặt cọc cho Bên A 25.200.000.000 VND để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Tiền đặt cọc này sẽ được căn trừ dần vào lợi nhuận hàng năm phải trả cho Bên A.
- (iii) Công ty và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn, trong đó, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp tỷ lệ 49%, chi tiết như sau:

| <i>Hợp đồng</i>   | <i>Mục đích hợp tác</i>  | <i>Thời hạn</i>                                  | <i>Số tiền góp (VND)</i> |
|---|--|--|--------------------------|
| HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013                | Đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình | 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng                    | 24.990.000.000           |
| Phụ lục 01 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014 | Xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình  | Theo thời gian của hợp đồng số 485               | 27.139.000.000           |
| Phụ lục 02 HĐ số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015 | Xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình   | Theo thời gian của Hợp đồng số 485 và Phụ lục 01 | 39.341.000.000           |
| <b>Cộng</b>   |  |  | <b>91.470.000.000</b>    |

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty và Công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay****18a. Vay dài hạn đến hạn trả**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú                | 34.810.287.318        | 38.888.279.319        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa | 20.600.000.000        | 22.200.000.000        |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh           | 14.801.324.912        | 12.069.151.049        |
| <b>Cộng</b>   | <b>70.211.612.230</b> | <b>73.157.430.368</b> |

Công ty và Công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

|                              | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                   | 73.157.430.368               | 60.688.279.318               |
| Số kết chuyển từ vay dài hạn | 70.658.287.311               | 73.157.430.368               |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (73.604.105.449)             | (60.688.279.318)             |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b><u>70.211.612.230</u></b> | <b><u>73.157.430.368</u></b> |

**18b. Vay dài hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>                 | 101.897.147.506               | 141.789.074.823               |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa <sup>(ii)</sup> | 59.721.264.068                | 77.221.264.068                |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>          | 76.273.763.321                | 79.145.221.049                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>237.892.174.895</u></b> | <b><u>298.155.559.940</u></b> |

Công ty và Công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm từ 2014 đến 2019. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho và cơ sở hạ tầng; thanh toán tiền thuê đất cho Công ty mẹ (Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn); mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;... Thời hạn vay từ 60 đến 96 tháng, tùy theo từng hợp đồng. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là từ 6,9% đến 8,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2013, 2014, 2016. Mục đích vay để đầu tư xây dựng hệ thống nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng, lãi suất quy định trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là 7,5%/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTD ngày 05/11/2019 và Hợp đồng tín dụng số 13987/20MN/HĐTD/ ngày 20/7/2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất áp dụng trong kỳ của hai hợp đồng vay lần lượt là 9% và 9,4%. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 70.211.612.230                | 73.157.430.368                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 196.112.536.205               | 223.787.086.197               |
| Trên 5 năm           | 41.779.638.690                | 74.368.473.743                |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>308.103.787.125</u></b> | <b><u>371.312.990.308</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                              | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>       |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm                   | 298.155.559.940        | 359.678.903.710        |
| Số tiền vay phát sinh        | 12.394.902.266         | 11.634.086.598         |
| Số tiền vay đã trả           | (2.000.000.000)        | -                      |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (70.658.287.311)       | (73.157.430.368)       |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>237.892.174.895</b> | <b>298.155.559.940</b> |

**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty và Công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                      | <b>Số đầu năm</b>    | <b>Tăng do trích<br/>lập từ lợi<br/>nhuận</b> | <b>Tăng khác<br/>(*)</b> | <b>Chi quỹ trong<br/>năm</b> | <b>Số cuối năm</b>   |
|--------------------------------------|----------------------|---|--------------------------|------------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                      | 824.051.761          | 4.707.448.041                                 | 19.000.000               | (4.722.564.931)              | 827.934.871          |
| Quỹ phúc lợi                         | 1.549.581.145        | 2.637.176.955                                 | -                        | (2.706.378.518)              | 1.480.379.582        |
| Quỹ thưởng Ban<br>quản lý, điều hành | 123.853.311          | 194.505.056                                   | -                        | (129.000.000)                | 189.358.367          |
| <b>Cộng</b>                          | <b>2.497.486.217</b> | <b>7.539.130.052</b>                          | <b>19.000.000</b>        | <b>(7.557.943.449)</b>       | <b>2.497.672.820</b> |

(\*) Là khoản nhận tiền thưởng từ các Công ty khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| <i>Năm trước</i>                              | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển  | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|---|---------------------------|------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm                                 | 245.022.450.000           | 84.773.845.798         | 66.507.523.921                    | 32.207.792.725                      | 428.511.612.444        |
| Lợi nhuận trong năm                           | -                         | -                      | 63.712.957.569                    | 5.555.481.532                       | 69.268.439.101         |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước      | -                         | 9.212.340.694          | (15.366.285.480)                  | (518.920.860)                       | (6.672.865.646)        |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay        | -                         | -                      | (8.156.130.000)                   | -                                   | (8.156.130.000)        |
| Chia cổ tức                                   | -                         | -                      | (36.753.367.500)                  | (2.940.000.000)                     | (39.693.367.500)       |
| Thù lao HĐQT, BKS, thưởng BDH của Công ty con | -                         | -                      | (229.500.000)                     | (220.500.000)                       | (450.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                   | <b>245.022.450.000</b>    | <b>93.986.186.492</b>  | <b>69.715.198.510</b>             | <b>34.083.853.397</b>               | <b>442.807.688.399</b> |
| <i>Năm nay</i>                                |                           |                        |                                   |                                     |                        |
| Số dư đầu năm                                 | 245.022.450.000           | 93.986.186.492         | 69.715.198.510                    | 34.083.853.397                      | 442.807.688.399        |
| Lợi nhuận trong năm nay                       | -                         | -                      | 71.721.383.613                    | 5.195.533.595                       | 76.916.917.208         |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước      | -                         | 15.480.152.719         | (17.237.671.362)                  | (555.548.153)                       | (2.313.066.796)        |
| Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay    | -                         | -                      | (5.226.063.256)                   | -                                   | (5.226.063.256)        |
| Chia cổ tức                                   | -                         | -                      | (36.753.367.500)                  | (2.940.000.000)                     | (39.693.367.500)       |
| Thù lao Ban quản lý tại Công ty con           | -                         | -                      | (142.800.000)                     | (137.200.000)                       | (280.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                     | <b>245.022.450.000</b>    | <b>109.466.339.211</b> | <b>82.076.680.005</b>             | <b>35.646.638.839</b>               | <b>472.212.108.055</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn            | 125.750.000.000               | 125.750.000.000               |
| Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội | 18.750.000.000                | 18.750.000.000                |
| Các cổ đông khác   | 100.522.450.000               | 100.522.450.000               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>245.022.450.000</u></b> | <b><u>245.022.450.000</u></b> |

**20c. Cổ phiếu**

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 24.502.245         | 24.502.245        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 24.502.245         | 24.502.245        |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại  | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 24.502.245         | 24.502.245        |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2021 như sau:

| <b>Phân phối lợi nhuận năm 2020</b>      | <b>VND</b>       |
|--|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông            | : 36.753.367.500 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển            | : 14.901.929.132 |
| • Trích quỹ khen thưởng                  | : 656.520.000    |
| • Trích quỹ phúc lợi                     | : 328.270.000    |
| • Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành | : 194.505.056    |

| <b>Tạm phân phối lợi nhuận năm 2021</b> | <b>VND</b>      |
|---|-----------------|
| • Trích quỹ khen thưởng                 | : 3.484.042.171 |
| • Trích quỹ phúc lợi                    | : 1.742.021.085 |

Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long (công ty con) đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHCD ngày 12/10/2021 như sau:

|                                   | <u>VND</u>      |
|-----------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông     | : 6.000.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển     | : 1.133.771.741 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 1.133.771.740 |
| • Thưởng Ban quản lý              | : 280.000.000   |

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ các loại**

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 1.506.861,73       | 2.568.391,70      |
| Euro (EUR)      | 35.271,19          | -                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm | 522.520.306.582               | 447.827.381.889               |
| Doanh thu dịch vụ cho thuê Cầu tại Cảng Cát Lái      | 7.373.424.996                 | 7.761.500.004                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>529.893.731.578</u></b> | <b><u>455.588.881.893</u></b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty và Công ty con phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Cung cấp dịch vụ cho các Công ty</b>                   |                |                  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 38.667.264.290 | 20.085.566.643   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                | 15.375.849     | -                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                 | 54.242.816     | 45.463.654       |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                       | 6.420.104      | 148.818.136      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                       | 1.976.476.908  | 1.979.236.901    |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép              | -              | 13.023.044       |

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm | 359.721.328.877               | 294.964.688.402               |
| Giá vốn dịch vụ cho thuê cầu tại Cát Lái           | 2.719.845.096                 | 2.719.845.096                 |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>362.441.173.973</u></b> | <b><u>297.684.533.498</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 1.432.240.670               | 2.769.683.289               |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 60.929.403                  | 64.069.657                  |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia     | 260.000.000                 | 130.000.000                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 804.205.601                 | 929.588.076                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>2.557.375.674</u></b> | <b><u>3.893.341.022</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 25.383.247.723               | 32.905.321.727               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 875.834.406                  | 1.014.731.640                |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 85.048.602                   | 179.339.224                  |
| Chi phí tài chính khác   | 197.714.494                  | 197.842.244                  |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>26.541.845.225</u></b> | <b><u>34.297.234.835</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 130.800.004                 | 392.399.996                 |
| Chi phí hoa hồng, môi giới       | 1.792.490.213               | 1.215.692.689               |
| Chi phí hội nghị, quảng cáo      | 446.839.545                 | 64.136.364                  |
| Chi phí quà tặng                 | 1.312.050.955               | 909.822.672                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 151.044.081                 | 99.717.573                  |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>3.833.224.798</u></b> | <b><u>2.681.769.294</u></b> |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 22.483.287.949               | 18.160.282.807               |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 972.867.987                  | 1.503.833.311                |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 1.845.414.871                | 1.759.857.455                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.664.137.291                | 2.867.136.267                |
| Thuế, phí và lệ phí              | 6.000.000                    | 6.860.000                    |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | 333.525.753                  | 428.234.780                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.296.310.666                | 3.030.264.678                |
| Các chi phí khác                 | 12.270.297.643               | 11.270.830.116               |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>42.871.842.160</u></b> | <b><u>39.027.299.414</u></b> |

**7. Thu nhập khác**

|                                 | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>          |
|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| BHXH, BHYT, BHTN không phải nộp | -                        | 281.321.471               |
| Tiền bồi thường                 | 800.000                  | 4.087.129                 |
| Xử lý công nợ                   | -                        | 77.415.795                |
| Thu nhập khác                   | 87.564.757               | 35.816.400                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>88.364.757</u></b> | <b><u>398.640.795</u></b> |

**8. Chi phí khác**

|                         | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Chi phí bồi thường      | 627.792.067                 | -                         |
| Tiền ăn hỗ trợ hải quan | 310.647.500                 | -                         |
| Chi phí khác            | 264.866.963                 | 352.418.445               |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>1.203.306.530</u></b> | <b><u>352.418.445</u></b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 9. Lãi trên cổ phiếu

#### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|   | Năm nay          | Năm trước       |
|---|------------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ     | 71.721.383.613   | 63.712.957.569  |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ <sup>(i)</sup>               | (11.166.990.608) | (8.980.920.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty con <sup>(i)</sup>              | (540.759.619)    | (578.223.588)   |
| Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát                      | (150.000.000)    | (497.305.056)   |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 59.863.633.385   | 53.656.508.925  |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 24.502.245       | 24.502.245      |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b>2.433</b>     | <b>2.190</b>    |

Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ được tạm xác định theo mức 03 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động năm nay theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 20/4/2021. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty con được tạm xác định theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên 2021 số 02/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 12/10/2021.

#### 9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại tăng từ 2.098 lên 2.190 do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay                | Năm trước              |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.248.312.785          | 5.344.209.080          |
| Chi phí nhân công                | 77.554.696.113         | 58.941.226.965         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 62.549.640.973         | 60.923.615.399         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 242.154.836.986        | 198.765.465.522        |
| Chi phí khác                     | 23.638.754.074         | 15.419.085.239         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>409.146.240.931</b> | <b>339.393.602.205</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và Công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty và Công ty con không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|   | <b>Tiền lương</b>    | <b>Thưởng</b>      | <b>Thù lao</b>     | <b>Khác<sup>(*)</sup></b> | <b>Cộng thu nhập</b> |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|----------------------|
| <b>Năm nay</b>                                    |                      |                    |                    |                           |                      |
| Ông Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT                | 780.180.000          | 70.000.000         | 42.000.000         | 5.100.000                 | 897.280.000          |
| Ông Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 625.341.450          | 59.035.000         | -                  | 7.400.000                 | 691.776.450          |
| Ông Phạm Văn Phòng - Thành viên HĐQT              | -                    | 10.000.000         | 42.000.000         | -                         | 52.000.000           |
| Ông Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT                | -                    | 10.000.000         | 42.000.000         | -                         | 52.000.000           |
| Ông Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng ban kiểm soát       | 425.097.600          | 41.285.000         | 24.000.000         | -                         | 490.382.600          |
| Ông Trần Nghĩa Sĩ - Kiểm soát viên                | -                    | 5.000.000          | 12.000.000         | -                         | 17.000.000           |
| Ông Thái Hoàng Lam - Kiểm soát viên               | -                    | 5.000.000          | 12.000.000         | -                         | 17.000.000           |
| Ông Đoàn Hồng Phương - Phó Giám đốc               | 371.144.229          | 41.660.000         | -                  | -                         | 412.804.229          |
| Ông Nguyễn Thành Nhân - Phó giám đốc              | 165.048.857          | 11.000.000         | -                  | 11.400.000                | 187.448.857          |
| Bà Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc                   | 525.037.200          | 47.660.000         | -                  | 7.400.000                 | 580.097.200          |
| Ông Lê Quỳnh Quang - Kế toán trưởng               | 386.633.113          | 38.735.000         | -                  | 3.400.000                 | 428.768.113          |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>3.278.482.449</b> | <b>339.375.000</b> | <b>174.000.000</b> | <b>34.700.000</b>         | <b>3.826.557.449</b> |

<sup>(\*)</sup> Là các khoản hỗ trợ thực hiện 3T do dịch Covid -19**Năm trước**

|   |                      |                    |                    |   |                      |
|---|----------------------|--------------------|--------------------|---|----------------------|
| Ông Trần Triệu Phú - Chủ tịch HĐQT                | 754.780.250          | 72.000.000         | -                  | - | 826.780.250          |
| Ông Phan Anh Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 613.067.060          | 61.035.000         | -                  | - | 674.102.060          |
| Bà Hoàng Thị Hiền - Thành viên HĐQT               | -                    | 10.000.000         | 42.000.000         | - | 52.000.000           |
| Ông Phạm Duy Tân - Thành viên HĐQT                | -                    | 10.000.000         | 42.000.000         | - | 52.000.000           |
| Ông Cao Ngọc Đức - Thành viên HĐQT                | -                    | 10.000.000         | 42.000.000         | - | 52.000.000           |
| Ông Nguyễn Đức Khiêm - Trưởng BKS                 | 393.659.140          | 43.285.000         | -                  | - | 436.944.140          |
| Ông Trần Nghĩa Sĩ - Kiểm soát viên                | -                    | 5.000.000          | 12.000.000         | - | 17.000.000           |
| Ông Đoàn Hồng Phương - Phó Giám đốc               | 546.700.760          | 49.660.000         | -                  | - | 596.360.760          |
| Bà Đoàn Thị Hằng - Phó Giám đốc                   | 557.196.560          | 49.660.000         | -                  | - | 606.856.560          |
| Ông Lê Quỳnh Quang - Kế toán trưởng               | 189.842.280          | 37.735.000         | -                  | - | 227.577.280          |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>3.055.246.050</b> | <b>348.375.000</b> | <b>138.000.000</b> | - | <b>3.541.621.050</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty và Công ty con gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                     | <b>Mối quan hệ</b>         |
|---|----------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn     | Công ty mẹ                 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng                              | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                     | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                           | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng        | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng                         | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép                  | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái                              | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC         | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng                           | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu                  | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                    | Công ty cùng Tập đoàn      |
| Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long                           | Công ty cùng Chủ tịch HĐQT |

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty và Công ty con với các bên liên quan khác như sau:

|  | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|--|----------------|------------------|
| <b>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b> |                |                  |
| Chi phí mua vật tư, dịch vụ                                      | 2.554.488.673  | 2.605.187.570    |
| Phí thuê cơ sở hạ tầng   | 393.661.895    | 2.235.406.250    |
| Tiền thuế đất phải trả   | 18.652.504.578 | 15.635.775.840   |
| Chia cổ tức  | 18.862.500.000 | 18.862.500.000   |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long</b>                       |                |                  |
| Chi phí thuê kho   | 37.225.170.000 | 37.006.620.000   |
| Nhận cổ tức  | 260.000.000    | 130.000.000      |
| <b>Giao dịch sử dụng dịch vụ của các đơn vị:</b>                 |                |                  |
| Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng                              | 3.394.828.800  | -                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                        | 3.127.648.720  | 2.178.867.109    |
| Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép                       | 69.693.639     | 47.513.636       |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng           | 274.400.000    | 549.400.000      |
| Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC              | 143.734.091    | 147.043.964      |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng 128- Hải Phòng                          | 43.546.574     | -                |
| Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu                     | 545.930.000    | 1.236.089.091    |
| Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải      | 62.363.638     | -                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng                       | 1.398.653.555  | 95.098.555       |

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.12, V.13, V.15, V.16 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ đi kèm, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 02 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đào Thanh Bình

Kế toán trưởng



Lê Quỳnh Quang

Giám đốc



Phan Anh Tuấn